

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2026

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Hoa Tuyết Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng V T, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp 1A A, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Trần Thị H V, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp 1A A, xã B, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 31/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng V T trình bày:

Ông và bà Trần Thị H V quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên ông bà chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh). Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Hiện nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không thể tiếp tục được. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông Đặng V T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị H V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị D T sinh năm 1992 và Đặng Thị A T sinh năm 1981, hiện 02 con đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị H V trình bày: Bà và ông Đặng V T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh). Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đến đầu năm 2026 thì bà và ông T không còn sống chung nhà nữa. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T về việc xin ly hôn thì bà đồng ý. Về con chung, bà thống nhất xác định ông bà có 02 con chung tên Đặng Thị D T sinh năm 1992 và Đặng Thị A T sinh năm 1981, hiện 02 con đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thì bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà V xin vắng mặt. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Ông T và bà V đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đặng V T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị H V, bà V có địa chỉ cư trú tại xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[1.3] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án và chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng V T và bà Trần Thị H V có xác lập quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 26/10/2000 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh) nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, ông T cho rằng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, hiện nay tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho bà V các văn bản tố tụng, bà V xác định hiện bà và ông T đã không còn sống chung, bà đồng ý ly hôn của ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[2.2] Về con chung: Theo lời trình bày cùng các chứng cứ do ông T cung cấp được bà V thống nhất đã thể hiện, ông bà có 02 con chung tên Đặng Thị D T sinh năm 1992 và Đặng Thị A T sinh năm 1981, hiện 02 con đều đã thành niên, ông T và bà V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà V thống nhất trình bày không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Đặng V T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng V T đối với bị đơn bà Trần Thị H V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Đặng V T được ly hôn đối với bà Trần Thị H V.

2. Về án phí: Ông Đặng V T được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND.KV4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tươi – Nguyễn Ngọc Ân

Thái Thị Thanh Thúy